

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC & HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CHÁNH PHỦ HOÀ

Tháng 05 năm 2014

THE UNIVERSITY OF CHICAGO LIBRARY

1000 S. MICHIGAN AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000 FAX 773-936-5001

WWW.CHICAGO.LIBRARY.EDU

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CHICAGO LIBRARY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHÁNH PHÚ HÒA

(Đã sửa đổi bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015)

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999;
- Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 03/02/2000 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 125/2004/NĐ-CP ngày 19/5/2004 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 03/2000/NĐ-CP.
- Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Quyết định 04/1999/QĐ.UBCK1 ngày 27 tháng 3 năm 1999 của Chủ tịch Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước, ban hành Quy chế, thành viên, niêm yết, công bố thông tin và giao dịch Chứng khoán;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa nhất trí thông qua nội dung bản Điều lệ đã được sửa đổi bổ sung và cùng cam kết thực hiện.

Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1 : Hình thức

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHÁNH PHÚ HÒA (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Mỗi cổ đông sáng lập và các cổ đông trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 2 : Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

1. Mục tiêu :

- 1.1. Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các sáng lập viên, của các cổ đông để tối đa hóa lợi nhuận của Công ty, nhằm gia tăng lợi tức cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
- 1.2. Thông qua quá trình hoạt động kinh doanh của mình, giải quyết việc làm cho người lao động, phát triển địa phương.

2. Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết : Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công viên nghĩa trang nhân dân, khu công nghiệp, khu dân cư (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh). Kinh doanh nghĩa trang, nhà tang lễ).
- Hoạt động dịch vụ tang lễ (chi tiết : Dịch vụ hỏa táng, xây dựng mồ mã, mái táng, điều khiển tang lễ)
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chi tiết : thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp)
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh

- Trồng cây hàng năm khác
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Trồng cây lâu năm khác
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (chi tiết : bán buôn hoa và cây)
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết : bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh)
- Trồng cây ăn quả

3. Phạm vi hoạt động của Công ty : trong nước và ngoài nước; Công ty có thể mở rộng, thu hẹp hay thay đổi phạm vi hoạt động do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 3 : Tên Công ty :

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt Nam: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHÁNH PHÚ HÒA**
2. Tên Công ty viết bằng tiếng Anh : **CHANH PHU HOA JOINT - STOCK CONSTRUCTION AND INVESTMENT COMPANY**
3. Tên Công ty viết tắt : **CPHA Co.,**

Điều 4 : Trụ sở chính

Trụ sở chính đặt tại : 07 Ngô Văn Trị- phường Phú Lợi –Thành phố Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0650. 3897427

Fax: 0650. 3856855

Địa chỉ chi nhánh : 99 đường Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở có thể di dời đi nơi khác do quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được đăng ký tại cơ quan đăng ký cơ quan cấp tỉnh, nơi Công ty đặt trụ sở chính

Khi cần Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và nước ngoài theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo qui định của pháp luật.

Điều 5 : Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cơ quan thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Việc giải thể Công ty trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được tiến hành đúng thủ tục theo Luật Doanh nghiệp quy định và phù hợp với luật pháp hiện hành.

Điều 6 : Người đại diện theo pháp luật của Công ty :

Ông : Nguyễn Văn Thiện

Năm sinh: 1957; Dân tộc : Kinh; Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 280687466

Ngày cấp: 22/11/2005 Nơi cấp: C.A tỉnh Bình Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú 72/3 ấp I – xã Tân Định - huyện Bến Cát- tỉnh Bình Dương

Chỗ ở hiện nay :72/3 ấp I – xã Tân Định -huyện Bến Cát- tỉnh Bình Dương

Là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này.

Điều 7 : Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Công ty

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
3. Các cổ đông Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp của mình và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào Công ty.

- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để lãnh đạo Công ty giữa 02 nhiệm kỳ đại hội; bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản lý, Điều hành của Công ty.
- Điều hành mọi hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm.

Điều 8 : Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể

- Các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công Đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ v.v... trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Công ty tôn trọng và tạo Điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ ĐÔNG - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ TỨC

Điều 9 : Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền, bằng giá trị thương hiệu hoặc bằng hiện vật và được hạch toán, theo dõi theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam.
- Vốn điều lệ của Công ty là 179.230.830.000 đồng (*Một trăm bảy mươi chín tỷ, hai trăm ba mươi triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng*).
- Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn góp của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của các cổ đông.
- Cơ cấu vốn điều lệ gồm danh sách như sau:

4.1 Cổ đông sáng lập: 105.415.010.000 đồng chiếm tỷ lệ 58.82%

Tên công ty	Địa chỉ	Số cổ phần	Trị giá cổ phần
1.Cty TNHH Một thành viên CTN Môi Trường	Số 11, Ngõ Văn Trị, P. PhúLợi, TP.TDM,Bình	8.059.967	80.599.670.000 đồng (chiếm 44.97%)

Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Chánh Phú Hòa

Bình Dương. Đd: Nguyễn Văn Thiện	Dương		
2.Tổng công ty địa ốc Sài Gòn-TNHH MTV	Số 41 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, quận 1, TP.HCM	0	0%
3.Quỹ Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Bình Dương. Đd: Lê Văn Thành	01 Quang Trung, phường Phú Cường, TP.TDM, Bình Dương	2.481.534	24.815.340.000 đồng (chiếm 13.85%)
4.Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Nhà Tp.HCM Đd: Đỗ Thị Hồng Dung	33-39 Pasteur, phường Bến Thành, quận 1, TP.HCM	0	0
5.Công ty Cổ phần Đầu tư – Kinh doanh Nhà	18 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, Tp.HCM	0	0

4.2 Các cổ đông khác: 95 Cổ đông 73.815.820.000 đồng tỷ lệ 41.18%

- Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, không trái pháp luật.

Điều 10 :Cổ phần, cổ phiếu

- Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 17.923.083 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (mười ngàn đồng).
- Tất cả những cổ phần đều là cổ phần phổ thông, có quyền biểu quyết và có giá trị pháp lý ngang nhau về mọi mặt.
- Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty được gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu có thể ghi danh hoặc không ghi danh.

Điều 11 :Hình thức cổ phiếu

Công ty phát hành hai loại cổ phiếu :

*** Cổ phiếu ghi danh :**

- Cổ phiếu ghi danh là cổ phiếu có ghi rõ họ tên, địa chỉ của pháp nhân hay thể nhân sở hữu số cổ phần của Công ty.
- Các đối tượng bắt buộc phải nắm giữ cổ phiếu có ghi danh bao gồm : cổ đông pháp nhân, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.
- Ngoài những đối tượng này, các cổ đông khác nếu muốn cũng có thể nắm giữ cổ phiếu ghi danh.
- Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải tuân theo các quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

*** Cổ phiếu không ghi danh :**

- Cổ phiếu không ghi danh là loại cổ phiếu không có ghi tên pháp nhân hay thể nhân sở hữu số cổ phần của Công ty.
- Cổ phiếu không ghi danh được phát hành cho các cổ đông ngoài các đối tượng được quy định nêu trên.

Điều 12 :Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty có thể là những tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc cá nhân đủ 18 tuổi (đối với cổ đông tham gia thành lập và quản lý Công ty), có đầy đủ năng lực hành vi sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty. Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty luôn có tối thiểu là 03 cổ đông. Các cổ đông khác có thể dưới 18 tuổi.
2. Các quyền và lợi ích hợp pháp của người góp vốn dưới hình thức mua cổ phần của Công ty sẽ được Nhà nước công nhận và bảo hộ bởi các quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu tại Công ty.
4. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:
 - a Cổ đông là pháp nhân:Người đại diện cổ đông tại Công ty là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.

- b Người đại diện nêu tại các điểm trên có thể ủy quyền cho người có năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty; người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.
- c Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi đại diện cho mình tại Công ty cổ phần.
- d Việc ủy quyền phải làm bằng văn bản, kể cả khi thay đổi, gửi Hội đồng quản trị của Công ty.
- e Các cổ đông có thể tự nhóm lại cử một người làm đại diện. Việc cử hoặc thay đổi người đại diện phải có văn bản đồng ý của các cổ đông.
- f Trong trường hợp cổ đông pháp nhân mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì cổ đông mới phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý để Hội đồng quản trị xử lý về quyền lợi cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông là pháp nhân giải thể thì cổ phần đó phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 13 :Quyền lợi của cổ đông

1. Được nhận cổ tức tương ứng với số cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Được ưu tiên mua cổ phần khi Công ty phát hành thêm cổ phần, tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Công ty.
3. Được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với luật pháp. Trong trường hợp sự mua bán, chuyển nhượng không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị có quyền hủy bỏ sự mua bán, chuyển nhượng ấy.
4. Được tham dự và biểu quyết mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
5. Cổ đông là cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên hoặc cá nhân đại diện cho pháp nhân sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên được ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ và đã sở hữu số cổ phần đó liên tục từ 6 tháng trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường khi:
 - Có dấu hiệu bất thường về tài chính;
 - Có dấu hiệu thất bại trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Có dấu hiệu tham nhũng hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.
7. Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty; được yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp những thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật kinh tế, kỹ thuật).
8. Được nhận một phần tài sản còn lại khi Công ty giải thể theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ theo quy định của pháp luật.

Điều 14 :Trách nhiệm của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty.
2. Góp đủ vốn cổ phần và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Công ty.
4. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật kinh tế, kỹ thuật của Công ty.
5. Các trách nhiệm khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15 :Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây :
 - Tên và trụ sở của Công ty;

- Tổng số cổ phần được quyền chào bán.
 - Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết.
 4. Khi cổ phiếu mờ, rách, hư hỏng hay bị mất có lý do chính đáng có thể xin đổi, cấp lại cổ phiếu mới với sự đồng ý của Hội đồng quản trị. Mọi chi phí liên quan đến việc đổi, cấp tờ cổ phiếu mới do người xin đổi, cấp chịu.

Điều 16 :Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:
 - Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;
 - Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ một phần hoa hồng dành cho người môi giới và người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.
2. Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định tại điểm d khoản 1 - Điều 60 của Luật Doanh nghiệp vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
3. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị thiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và trả phí do Công ty quy định. Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại

điểm d khoản 1 - Điều 60 - Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

4. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
5. Trong ba năm đầu, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần được quyền chào bán; cổ phần của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông nếu được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.
6. Sau thời hạn ba năm qui định tại khoản 5 Điều này, các hạn chế đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.

Điều 17 :Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận người thừa kế hợp pháp có quyền sở hữu cổ phần của người đã mất.
2. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp, thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền và công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.

Người thừa kế được công nhận trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa.

3. Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được tự do thừa kế nhưng người thụ nhận thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu, không thể đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty.
4. Cổ đông qua đời mà không có người thừa kế thì cổ phần được thu hồi sung vào quỹ Công ty.

Điều 18 : Phát hành trái phiếu

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

2. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành

Điều 19 :Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Đồng Việt Nam , ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác theo qui định của pháp luật hiện hành và được sự thống nhất của Hội đồng quản trị.

Điều 20 :Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề được nêu tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 21 :Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần đã bán, theo quy định sau đây:

1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, Công ty phải thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, thông báo phải có tên và trụ sở công ty, tổng số cổ phần được mua lại, giá mua lại, nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.

Điều 22 :Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 20 và 21 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại các Điều 20 và 21 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

Điều 23 :Trả cổ tức

1. Cổ tức là lợi tức hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần. Năm đầu tiên kể từ năm có lãi, sẽ không chia cổ tức để tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh. Kể từ năm thứ 2 trở đi kể từ năm có lãi, cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả
2. Công ty chỉ trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả.
3. Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, mức cổ tức, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

4. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
5. Sau 06 tháng kể từ ngày trả cổ tức mà cổ đông chưa đến nhận cổ tức thì Hội đồng quản trị sẽ sử dụng số tiền này vào việc kinh doanh tại Công ty. Trong trường hợp này, số tiền mang ra sử dụng sẽ được tính lãi căn cứ vào lãi suất Ngân hàng trong thời gian sử dụng và số tiền này sẽ được thanh toán vào lúc trả cổ tức sau đó cho cổ đông.

Điều 24 :Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 - Điều 22 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 23 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

CHƯƠNG III **CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY**

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Tổng giám đốc
- Ban kiểm soát

Điều 25 :Các Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm:
 - Đại hội đồng cổ đông thành lập
 - Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Đại hội đồng cổ đông bất thường
- 2. Đại hội đồng cổ đông thành lập và thường niên phải có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 60% vốn điều lệ. Đại hội đồng cổ đông bất thường phải có số cổ đông tham dự:
 - Đại diện cho 60% vốn điều lệ: triệu tập lần thứ nhất
 - Đại diện cho 51% vốn điều lệ: triệu tập lần thứ hai
 - Trường hợp cuộc họp triệu tập lần hai không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và nghị quyết được thông qua có giá trị khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 60% quyền biểu quyết tham dự chấp thuận.

Điều 26 :Đại hội đồng cổ đông thành lập

Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ:

- Thảo luận và thông qua Điều lệ Công ty;
- Bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát và trưởng ban kiểm soát;
- Thông qua phương án sản xuất kinh doanh;
- Quyết định bộ máy tổ chức của Công ty.

Điều 27 :Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - a. Quyết định cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán ; quyết định mức cổ tức hàng năm của cổ phần
 - b. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.

- c. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.
- d. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo của Ban Kiểm soát;
- e. Thông qua quyết toán năm tài chính; phương án phân phối lợi nhuận, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập quỹ; sử dụng các quỹ;
- f. Quyết định phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư cho năm tài chính mới;
- g. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu;
- h. Xem xét các sai phạm (nếu có) và quyết định hình thức xử lý đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát ;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát ;
- j. Ấn định mức thù lao và các quyền lợi của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- k. Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi (nếu cần);
- l. Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
- m. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

Điều 28: Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Lý do và điều kiện triệu tập:

Trong trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu của:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Từ 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
- Kiểm soát viên trưởng hoặc 2/3 kiểm soát viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên, trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông cổ đông bất thường:

- Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường;
- Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên vi phạm Điều lệ gây thiệt hại cho Công ty;
- Giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, Xí nghiệp trực thuộc;
- Biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Điều 29 :Thế thức triệu tập và tiến hành các Đại hội đồng cổ đông

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ này.
- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 –Điều 28 của Điều lệ này có quyền thay thế - Hội đồng quản trị , Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty đài thọ không phân biệt cách thức triệu tập.
- Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời

gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị hay người triệu tập phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc.
3. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
4. Hội đồng quản trị hay người triệu tập có nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần hiện diện).
5. Đại hội thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một Ủy viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông thành lập thì cổ đông sáng lập đại diện vốn Nhà nước làm chủ tọa. Đại hội bất thường do người triệu tập làm chủ tọa.
6. Chủ tọa thông qua đại hội bầu ra thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.
7. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa, thư ký và hai kiểm phiếu viên sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc 02 Ủy viên Hội đồng quản trị.

Điều 30 :Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cổ đông là cá nhân; tên, trụ sở đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng cổ đông.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 - Điều 28 của Điều lệ này được quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Mỗi cổ đông đều có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31 :Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 –Điều 28 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị được đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây :
 - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Những trường hợp khác được quy định trong Điều lệ này.

Điều 32 :Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc
2. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

Điều 33 : Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 34 :Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được ủy quyền cho đại diện thay thế tham dự Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền được biểu quyết bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông nhưng không được đề cử, ứng cử tại Đại hội đồng cổ đông với tư cách cá nhân.
2. Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty.
3. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền.
4. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu mới có giá trị.
5. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
6. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi thẳng cho Hội đồng quản trị.

Điều 35 :Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất 60% tổng số quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận trong các quyết định sau :
 - Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán.
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
 - Quyết định tổ chức lại Công ty
 - Quyết định giải thể Công ty
 - Quyết định bán hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty.
3. Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được thông qua khi số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
4. Biểu quyết tại đại hội phải công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

5. Mỗi cổ đông có số quyền biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện.
6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số quyền biểu quyết chấp thuận.
7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 36 :Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây :
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Chương trình làm việc.
 - Chủ tọa và thư ký.
 - Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.
 - Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
 - Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 37 :Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc Điều lệ Công ty.

2. Nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm quy định của pháp luật, hoặc Luật Doanh nghiệp, hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 38 :Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty - trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Hội đồng quản trị có 07 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm - bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín. Thành viên Hội đồng quản trị được trúng cử với số phiếu tín nhiệm cao nhất và phải đạt trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết hiện diện tán thành.
4. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (không quá 02 Phó Chủ Tịch HĐQT). Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày của Hội đồng quản trị - với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

Điều 39 :Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau :

1. Là cổ đông cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên hoặc cá nhân đại diện cho pháp nhân sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên. Cổ phiếu của các cổ đông này cũng bị ràng buộc theo Điều 11 Điều lệ này.
2. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp và Điều lệ của Công ty.
3. Có trình độ học vấn, có năng lực tổ chức quản lý doanh nghiệp, có sức khỏe tốt
4. Am hiểu chuyên môn về ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Điều 40 :Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại.
2. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị mới phải có ít nhất 1/3 thành viên cũ.
3. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho đến hết nhiệm kỳ.

Điều 41 :Quyền hạn Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có những quyền hạn sau đây :

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.
2. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
3. Quyết định phương án đầu tư, duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các công trình đầu tư đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Nhân danh Công ty để quyết định mọi việc liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
5. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các loại hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc thấp hơn 50% vốn điều lệ của Công ty.
6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; quyết định mức lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc thì mức lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
7. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
8. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
9. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán.

10. Quyết định các định mức kinh tế kỹ thuật - kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án phát triển cơ sở vật chất.
11. Quyết định ban hành các quy chế về tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng, cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty.
12. Ấn định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
13. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị
14. Xem xét và ủy quyền cho Tổng Giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty.
15. Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh.
16. Hội đồng quản trị không được phép - trực tiếp hay gián tiếp - cho vay hay cho mượn tài sản của Công ty để thế chấp hoặc bảo lãnh hộ cho các đối tượng :
 - Cổ đông của Công ty;
 - Những người trong Hội đồng quản trị , Ban Kiểm soát , Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty;
 - Những doanh nghiệp khác mà một hay nhiều chủ doanh nghiệp đó đang là cổ đông của Công ty.
17. Các quyền hạn khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 42 :Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những việc sau đây :

1. Quản trị Công ty theo đúng pháp luật của Nhà nước; Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty để đảm bảo thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông.
3. Khi có yêu cầu, Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp và công bố các thông tin, tài liệu cần thiết; trả lời các câu hỏi chất vấn của Ban Kiểm soát, các cổ đông và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo luật định và theo Điều lệ này.
4. Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức Đại hội đồng cổ đông định kỳ và bất thường. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
5. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề sau :
 - Kiến nghị cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán. Tăng giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần.
 - Kiến nghị các chiến lược và kế hoạch phát triển trung - dài hạn của Công ty, chiến lược và kế hoạch huy động vốn.
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận, phân chia cổ tức.
 - Kiến nghị mức cổ tức được trả; thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc quyết định xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - Kiến nghị sửa đổi hoặc bổ sung thêm Điều lệ hoạt động của Công ty. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
6. Đề án thực hiện nhiệm vụ đối ngoại và quan hệ quốc tế.
7. Các trách nhiệm khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 43 : Chế độ hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi **Quý** một lần. Trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp không được quá **sáu** tháng. Trong mỗi phiên họp phải có ít nhất 5/7 số thành viên chính thức hoặc ủy quyền có mặt. Hội đồng quản trị quyết định theo nguyên tắc đa số, nếu số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định theo bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể họp bất thường theo yêu cầu của:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Từ 3/7 số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
 - Trưởng Ban kiểm soát.
3. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty, trừ lương và thù lao khác.
 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì các phiên họp Hội đồng quản trị, nếu Chủ tịch vắng mặt phải ủy quyền cho thành viên HĐQT khác thay thế. Việc ủy quyền phải bằng văn bản.
 5. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT khác thay thế, mỗi thành viên HĐQT chỉ được đại diện cho một thành viên HĐQT vắng mặt. Văn bản ủy quyền phải được gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất một ngày trước phiên họp.
 6. Phiên họp Hội đồng quản trị phải có biên bản, ghi đầy đủ ý kiến và diễn biến phiên họp, có chữ ký của các thành viên có mặt.
 7. Mọi tài liệu liên quan phải được lưu giữ cùng với biên bản phiên họp. Các bản sao biên bản phải có chữ ký của chủ tọa phiên họp mới có giá trị.

Điều 44 :Các trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị của Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp lại để xem xét và quyết định.
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau :
 - Chết, mất trí hoặc bị tước quyền công dân.
 - Từ chức và được Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận.
 - Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không hoàn thành trách nhiệm theo Điều lệ này.
 - Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Điều 9 Luật Doanh nghiệp.

- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
 - Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
 - Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quyết định của tòa án.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị lên thay.
 4. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị bầu Phó Chủ tịch thay thế.
 5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều mất tư cách Hội đồng quản trị theo quy định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại phải cử ngay một người trong số thành viên Hội đồng quản trị còn lại để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch. Nếu số thành viên Hội đồng quản trị còn lại không đủ $\frac{2}{3}$ số thành viên theo quy định thì các thành viên này phải cùng Ban Kiểm soát cử ngay một người trong số họ để đảm nhận công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu đủ số lượng vào các chức danh Hội đồng quản trị.
 6. Trường hợp giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá $\frac{1}{3}$ so với số thành viên quy định trong Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung. Mọi trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ chờ Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thành viên mới thay thế cho thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm...

Điều 45 : Nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm và quyền hạn sau :
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công các thành viên trong Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty.
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị.
 - Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác ngoài hình thức cuộc họp.

- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Được sử dụng bộ máy Công ty để thực hiện nhiệm vụ và có thể tuyển thư ký để giúp việc cho mình. Thư ký được xem như nhân viên của Công ty.
- Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông :

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

3. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công; không ủy quyền cho người khác; nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau :

- Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
- Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, về hoạt động của Công ty và của các đơn vị trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Tham dự các phiên họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến và hành vi của mình.
- Nghiêm túc thực hiện Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị.

Điều 46 :Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tuyệt đối trung thành với lợi ích của Công ty.
2. Thực hiện nghiêm chỉnh các nhiệm vụ được giao.
3. Không được hành động vượt quá quyền hạn được giao. Khi thành viên HĐQT quyết định hoặc hành động vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu thiệt hại cá nhân về những thiệt hại đó và phải bồi thường theo quy định pháp luật.
4. Người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Nhà nước.

Điều 47 :Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và theo chức trách được giao.
2. Được thanh toán mọi chi phí liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Thành viên HĐQT không được hưởng lương. Trường hợp thành viên HĐQT đồng thời là người lao động trong Công ty thì những ngày thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT vẫn được tính nguyên lương và các phụ cấp khác.

Điều 48 :Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị :
 - Lập chương trình kế hoạch làm việc của Hội đồng quản trị
 - Chuẩn bị nội dung, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị
 - Tổ chức thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị và theo dõi quá trình thực hiện các quyết định này.
 - Chủ tọa các phiên họp của Đại hội đồng cổ đông.
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Xây dựng kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quy hoạch đào tạo cán bộ, công nhân viên trình cho Hội đồng quản trị duyệt.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hay mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị thay mặt đảm trách công việc. Nếu không có sự ủy quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại sẽ chọn một người trong số họ tạm thời thay quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 49 :Tổng Giám đốc

1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ một trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác.
2. Tổng Giám đốc là người Điều hành quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về quản lý và Điều hành Công ty.
4. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 50 :Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc

1. Chưa từng có tiền án, tiền sự.
2. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp và Điều lệ Công ty.
3. Không được làm việc ở bất cứ đơn vị sản xuất kinh doanh, đơn vị nào khác.
4. Người thân của Tổng Giám đốc (vợ hoặc chồng, bố mẹ, con) không được lập các Công ty TNHH, Công ty cổ phần, DNTN và cơ sở sản xuất để tiến hành hoạt động kinh doanh trong phạm vi ngành nghề chính của Công ty.

Điều 51 : Chức năng và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

1. Quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất của Công ty theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị và tuân thủ luật pháp hiện hành.
2. Sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn theo phương án sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và thông qua Đại hội đồng cổ đông.
3. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn và ngắn hạn trình Hội đồng quản trị phê duyệt và tổ chức thực hiện.
4. Xây dựng các phương án đầu tư trong năm tài chính trình Hội đồng quản trị phê duyệt và tổ chức thực hiện.
5. Xây dựng, kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; các phương án quy hoạch, đào tạo CB CNV và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
6. Quyết định và kiến nghị các biện pháp khuyến khích tăng năng suất lao động, tăng chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tuyên truyền tiếp thị được Hội đồng quản trị qui định chi tiết trong Quy chế làm việc và phân công chức năng, nhiệm vụ của Ban Giám đốc.
7. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc.
8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền.
9. Ký kết các Hợp đồng Kinh tế, hợp đồng tín dụng, thế chấp theo quy định của Hội đồng quản trị.
10. Ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với cán bộ công nhân viên Công ty. Xây dựng nội quy lao động của Công ty; ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của Luật Lao Động.
11. Báo cáo trước Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh Công ty.

Điều 52 : Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của Công ty.
3. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty
4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
6. Quyết định lương và trợ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng Giám đốc).
7. Các quyền và nhiệm vụ liên quan đến pháp luật, điều lệ công ty và quyết định của HĐQT

Điều 53 :Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc

1. Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị ; trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định.
2. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp sau :
 - Tự ý bỏ nhiệm sở.
 - Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Điều 9 - Luật Doanh nghiệp.
 - Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quyết định của tòa án.
3. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị mất tư cách Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ Điều kiện để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

Điều 54 :Ủy quyền - ủy nhiệm

1. Tổng Giám đốc Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm (bằng văn bản) cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải được thực hiện bằng văn bản.
4. Các Trưởng phòng ban trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình và chịu trách nhiệm trước các cơ quan hữu quan về hậu quả gây ra tổn thất.

Điều 55 :Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là những người thay mặt Đại hội đồng cổ đông hoặc đại diện cổ đông là pháp nhân của Công ty đề cử để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Tổng Giám đốc.
2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.
3. Ban kiểm soát có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.
4. Chi phí của Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty, trừ lương và các khoản thù lao khác.

Điều 56 :Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty hoặc đại diện do cổ đông là pháp nhân đề cử.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải có trình độ Đại học, am hiểu công việc kinh doanh của Công ty. Có ít nhất một thành viên Ban kiểm soát có trình độ chuyên môn về tài chính - kế toán.
3. Những người không được làm thành viên của Ban kiểm soát :
 - 3.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. Người có liên quan được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp.
 - 3.2 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng

giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội danh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 57 :Nhiệm kỳ của kiểm soát viên

1. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị và kéo dài hơn nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 03 tháng để giải quyết các công việc tồn đọng.
2. Trong nhiệm kỳ, nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông họp gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 58 :Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình làm thành viên Ban kiểm soát thì phải gửi văn bản đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ này.
2. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi xảy ra một trong các trường hợp như thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản Điều 45 Điều lệ này.
3. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

Điều 59 :Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên trưởng có trách nhiệm phân công kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông sở hữu 10% vốn điều lệ trở lên.

4. Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra bảng tổng kết năm tài chính. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường (nếu có).
5. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
6. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, tính hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị biện pháp bổ sung sửa đổi cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
8. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.
9. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp phát hiện những sai phạm nghiêm trọng (tham chiếu Điều 28).
10. Việc kiểm tra (ở mục 2 và 3 Điều này) không được gây cản trở cho hoạt động của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
11. Các kiểm soát viên không được tiết lộ bí mật của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gây thiệt hại cho Công ty.
12. Kiểm soát viên trưởng hoặc kiểm soát viên được phân công tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản họp và trực tiếp báo cáo cho ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
13. Kiểm soát viên hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Chi phí cho hoạt động của kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

Trường hợp kiểm soát viên đồng thời là người lao động trong Công ty thì ngoài việc hưởng thù lao theo quy định, những ngày làm nhiệm vụ kiểm soát viên được tính lương như ngày làm việc chuyên môn.

Điều 60 :Kiểm toán

Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 61 :Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh
2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm được thông báo đến tất cả các cổ đông.
3. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại công ty cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí.

Điều 62 :Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty

1. Công ty lưu trữ các loại tài liệu sau đây:

- Điều lệ Công ty; sửa đổi; bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ Công ty ; Sổ đăng ký cổ đông.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ; giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;
- Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ; các quyết định đã được thông qua;
- Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
- Báo cáo của Ban kiểm soát ; kết luận của Ban thanh tra; kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
- Sổ kế toán , chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
- Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lưu giữ các loại tài liệu trên ở trụ sở chính hoặc một nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 63 :Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa các thành viên sáng lập trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải
2. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tổ chức trọng tài hoặc Tòa án quyết định.

CHƯƠNG IV

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 64 :Quyền hạn của Công ty

1. Chủ động mở rộng (hoặc thu hẹp) quy mô sản xuất kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường. Được mở rộng lĩnh vực kinh doanh những ngành nghề khác theo Pháp luật Việt Nam.
2. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn;
3. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự; kinh doanh. Được tuyển dụng lao động, thử việc, cho thôi việc theo Bộ Luật Lao Động. Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, các phương án về tiền lương, tiền thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Chủ động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh đã đăng ký.
5. Quyết định việc sử dụng phần thu nhập sau thuế.

Điều 65 :Nghĩa vụ của Công ty

1. Sản xuất kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký theo pháp luật quy định.

2. Tuân thủ chế độ hạch toán, kế toán thống kê và các nghĩa vụ về thuế; trích lập các quỹ theo quy định Pháp luật.
3. Chấp hành các quy định về chế độ tuyển dụng, hợp đồng lao động và quản lý lao động theo Bộ Luật Lao động.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh Luật pháp Nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, trật tự an toàn xã hội.
5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và chịu sự kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
6. Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của mình.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 66 :Hạch toán kế toán - tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm (năm dương lịch). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.
2. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến Hội đồng quản trị, để xem xét, chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các tài liệu về tài chính của Công ty gồm :
 - Các báo cáo tài chính : bản kiểm kê tài sản, bảng cân đối tài khoản, báo cáo kết quả kinh doanh, ghi rõ lãi lỗ của từng ngành kinh doanh và từng đơn vị trực thuộc (nếu có), bảng lưu chuyển tiền mặt, . . . và các bản giải trình, phân tích tình hình tài chính của Công ty.
 - Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về báo cáo tài chính.
 - Thư xác nhận của một tổ chức kiểm toán độc lập về tài chính của Công ty.

- Các phương án xử lý lỗ hoặc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức,...
- 4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải hoàn chỉnh các báo cáo tài chính sau Đại hội đồng cổ đông để gửi đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 67 :Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và lập quỹ

1. Lợi nhuận là phần còn lại của tổng doanh thu sau khi trừ đi tổng chi phí và các khoản thuế.
2. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập quỹ:
 - a. Quỹ dự trữ bắt buộc: ít nhất bằng 5% lợi nhuận cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ.
 - b. Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định:
 - Quỹ đầu tư và phát triển
 - Quỹ khen thưởng
 - Quỹ phúc lợi
3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận:
 - Quỹ bảo hành sản phẩm
 - Quỹ khấu hao tài sản cố định
 - Quỹ khấu hao sửa chữa lớn
 - Quỹ giảm giá hàng tồn kho
4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.
5. Cổ tức chia cho các cổ đông theo phần vốn góp, tùy tình hình thực tế Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý, hoặc 6 tháng.
6. Tùy thuộc tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, Hội đồng quản trị có thể ứng trước cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn 03 tháng hoặc 06 tháng.

Điều 68 :Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

1. Trong trường hợp Công ty kinh doanh bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo hai phương án sau :
 - Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
 - Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông thực hiện các biện pháp để khắc phục.
2. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Pháp sản doanh nghiệp.

Điều 69 :Kiểm toán từ bên ngoài

1. Báo cáo tài chính cuối năm của Công ty phải được một bên tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận về tính chính xác, trung thực, hợp pháp và hợp lý trước khi Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.
2. Ngoài việc kiểm toán định kỳ hàng năm, nếu có yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, hoặc của Hội đồng quản trị , hoặc của Ban Kiểm soát , Công ty có thể mời một tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán từng phần hoặc toàn phần hoạt động của Công ty, tùy theo yêu cầu cụ thể của việc cần kiểm toán. Phí tổn kiểm toán do Công ty đài thọ.

Nếu một cổ đông bất kỳ nào muốn mời một tổ chức kiểm toán độc lập khác để tiến hành kiểm toán phúc tra các kết quả kiểm toán nêu ở khoản 2 Điều này, cổ đông này được quyền mời và tự đài thọ phí kiểm toán. Công ty có trách nhiệm hợp tác bằng cách cho phép tổ chức kiểm toán độc lập này tham khảo sổ sách và các tài liệu cần thiết.

CHƯƠNG VI

THÀNH LẬP - TỔ CHỨC LẠI - GIẢI THỂ

THANH LÝ - TRANH TỤNG

Điều 70 :Thành lập

1. Công ty được thành lập sau khi bản Điều lệ này được tập thể thành viên sáng lập Công ty chấp thuận và được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh .
2. Mọi phí tổn liên hệ đến việc thành lập Công ty đều được ghi vào mục chi phí của Công ty và được tính hoàn giảm vào chi phí của năm tài chính đầu tiên.

Điều 71 :Tổ chức lại

1. Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại bằng các phương thức theo Luật Doanh nghiệp quyết định tại các Điều 105, 106, 107, 108, 109 và Điều 110 như sau :
 - Chia doanh nghiệp : Công ty chấm dứt tồn tại để chia thành một số Công ty mới cùng loại.
 - Tách doanh nghiệp : Công ty chuyển một phần tài sản - nợ - vốn của Công ty hiện có để thành lập một số Công ty mới cùng loại. Công ty sẽ tiếp tục tồn tại với phần tài sản - nợ - vốn còn lại.
 - Hợp nhất doanh nghiệp : Công ty chấm dứt sự tồn tại để hợp cùng một hoặc một số Công ty khác hình thành một Công ty mới cùng loại.
 - Sáp nhập doanh nghiệp : Công ty chấm dứt sự tồn tại để sáp nhập vào một Công ty khác - hoặc Công ty tiếp tục tồn tại có sự tiếp nhận các Công ty khác sáp nhập vào.
 - Chuyển đổi Công ty : Công ty đang là Công ty cổ phần chuyển thành Công ty TNHH.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 72 :Giải thể

Giải thể Công ty cổ phần là việc chấm dứt sự tồn tại của Công ty. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau :

1. Khi hết thời hạn hoạt động theo Điều lệ này mà Đại hội đồng cổ đông không quyết định gia hạn.

2. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty.
3. Công ty không còn đủ số cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục.
4. Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.
5. Trường hợp Công ty bị lỗ đến $\frac{3}{4}$ vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để xem xét và quyết định giải thể Công ty.

Điều 73 :Thủ tục giải thể

Việc giải thể Công ty được thực hiện theo qui định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể Công ty theo qui định của Luật doanh nghiệp. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, trụ sở Công ty;
 - b. Lý do giải thể;
 - c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty ; thời hạn thanh toán nợ; thanh lý hợp đồng không được quá sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
 - d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - e. Thành lập tổ thanh lý tài sản; quyền và nghĩa vụ của tổ thanh lý tài sản được quy định trong phụ lục kèm theo quyết định giải thể;
 - f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty .
2. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty ; quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày Trung Ương trong ba số liên tiếp.
3. Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời gian, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty.
5. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của Công ty, tổ thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo qui định tại Điều này.

Điều 74 :Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông sẽ lập một hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
2. Trong thời gian thanh lý, các thành lý viên và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xử lý các vấn đề khi xét thấy cần thiết phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 75 :Tổ tụng, tranh chấp

1. Chủ tịch HĐQT là người đại diện Công ty trước pháp luật trong các giai đoạn tranh tụng.
2. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng tranh chấp.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan Nhà nước có chức năng theo luật định.
4. Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua thì các cổ đông có thể tự mình hoặc cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 76 :Thể thức sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty không nêu trong bản Điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác Điều chỉnh.
2. Khi muốn tu chỉnh, sửa đổi bản Điều lệ này; Hội đồng quản trị sẽ đề nghị những mục hay vấn đề cần thay đổi hay tu chỉnh và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được 65% số quyền biểu quyết chấp thuận.

Điều 77 :Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công An. Trước khi sử dụng, con dấu phải được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các Ngân hàng thương mại nơi Công ty có mở tài khoản giao dịch.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải có con dấu của Công ty trên các chữ ký hoặc của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc của Trưởng ban Ban kiểm soát; hoặc của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.
3. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 78 :Đăng ký Điều lệ

1. Điều lệ này gồm 07 Chương, 78 Điều;, được Đại hội đồng cổ đông năm 2014 sửa đổi bổ sung và thông qua ngày 28 tháng 05 năm 2014. Các cá nhân, tổ chức có liên quan thuộc đối tượng áp dụng của Điều lệ này phải có trách nhiệm thực hiện đúng theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Điều lệ được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, trong đó :

- + 01 bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của UBND tỉnh Bình Dương.
- + 04 bản giao cho 02 cổ đông sáng lập (mỗi cổ đông giữ 02 bản)

01 bản lưu giữ tại Văn phòng Công ty.

TP. TDM, ngày tháng năm 2014

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CTN- MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG



Lê Văn Thành

Nguyễn Văn Thiên
GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC & HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CHÁNH PHỦ HOÀ

Tháng 05 năm 2014

